

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH THƯỢNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 12 – 05 – 2022

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Khanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Tấn Đạt

2. Bà Phạm Thị Lan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:** Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 05 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2020/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2020, về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 04 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-DS, ngày 22 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1982 (có mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị Mai Ph, sinh năm 1986 (vắng mặt không lý do).

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã Y, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 27/9/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Ông Trần Thanh H và bà Lê Thị Mai Ph (sau đây gọi tắt là ông H, bà Ph) được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Yên, huyện An Biên (nay thuộc huyện U Minh Thượng) tỉnh Kiên Giang ngày 13/3/2007. Vợ chồng chung sống đến năm

2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà Ph tự ý bỏ nhà đi làm ăn xa nhưng không nói với ông H, bên cạnh đó ông H còn nghe dư luận nói bà Ph có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà Ph.

- Về con chung: Ông H và bà Ph có 02 người con chung tên Trần Lê Bảo Như, sinh ngày 14/02/2008 và Trần Lê Bảo Long, sinh ngày 14/7/2011, hiện đang sống với ông H. Vợ chồng ly hôn ông H yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà Ph phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Lê Thị Mai Ph được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hòa giải và xét xử đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Ph cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

#### **Tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp có trong hồ sơ:**

Nguyên đơn ông H cung cấp: Đơn khởi kiện ly hôn; Đơn xin xác nhận nơi cư trú (bản chính); Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính); 02 bản sao giấy khai sinh tên Trần Lê Bảo Như và Trần Lê Bảo Long.

Bị đơn bà Ph cung cấp: Không có.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về thủ tục tố tụng:** Bà Lê Thị Mai Ph được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Ph cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2]. Về nội dung vụ án:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa ông H và bà Ph là hợp pháp. Tại phiên tòa ông H trình bày lý do xin ly hôn là trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bên cạnh đó có nhiều dư luận không tốt về bà Ph, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Do đó, ông H yêu cầu được ly hôn với bà Ph.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Ph đã bỏ nhà đi nhiều năm không về thăm gia đình nên vợ chồng không thể quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cũng như nuôi dạy con chung, vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, Hội đồng xét xử thống nhất cho ông H được ly hôn với bà Ph.

[2]. Về con chung: Ông H và bà Ph được 02 người con chung tên Trần Lê Bảo Như, sinh ngày 14/02/2008 và Trần Lê Bảo Long, sinh ngày 14/7/2011. Từ khi bà Ph bỏ nhà đi đến nay ông H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Hiện tại 02 con chung của ông H, bà Ph được ông H nuôi dạy tốt, các cháu được học hành đầy đủ. Các cháu cũng có nguyện vọng được sống với ông H. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 con chung tên Trần Lê Bảo Như và Trần Lê Bảo Long cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Ph không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom 02 con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Ph cũng không có ý kiến về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0004288 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**1.** Về hôn nhân: Ông Trần Thanh H được ly hôn với bà Lê Thị Mai Ph.

**2.** Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Trần Lê Bảo Như, sinh ngày 14/02/2008 và Trần Lê Bảo Long, sinh ngày 14/7/2011 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Ph không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004288 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận**

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;
- Chi cục THA huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tuấn Khanh**